

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày: 04 - 5 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thọ
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 09/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 06/4/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, cư trú tại: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1973, cư trú tại: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh hóa; có mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1974, cư trú tại: thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và chị P ở cùng xã và có quen biết nhau, những lúc chị P khó khăn bà thường cho chị P vay tiền để giải quyết công việc. Từ năm 2013 chị P có vay tiền bà nhiều lần, việc vay mượn lúc thì ghi vào sổ, lúc chỉ vay bằng miệng. Đến ngày 01/4/2019 bà và chị P đã thống nhất chốt số nợ còn lại là 600.000.000 đồng và chị P có viết giấy nhận nợ với số tiền 600.000.000 đồng hẹn trả dần cho bà, nhưng đến nay chị P vẫn chưa trả cho bà một đồng nào. Bà hỏi nợ thì chị P có thái độ không hợp tác, trốn tránh. Vì vậy bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Thị P pH trả cho bà tổng số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng; Bà H không yêu cầu tính lãi xuất đối với số tiền nợ trên và không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 12/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Đỗ Thị P trình bày:

Từ năm 2013 chị có lấy thăm của bà H nhiều lần với mức là 80.000.000 đồng, đóng thành 120.000.000 đồng. Trong quá trình lấy thăm chị đã thanh toán cho bà H rất nhiều lần. Đến ngày 01/4/2019 chị và bà H đã chốt nợ, thống nhất chị còn nợ bà H với số tiền là 600.000.000 đồng, và chị hẹn sẽ trả dần cho bà H đến khi trả hết nợ thì thôi. Nhưng giữa chị và bà H không nêu ra mức trả bao nhiêu; đến đầu tháng 5 năm 2019 chị đến nhà bà H trả nợ, nhưng bà H không nhận, nay lại khởi kiện buộc chị pH trả số tiền 600.000.000 đồng. Quan điểm của chị P là sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà H, nhưng chị xin trả dần như giấy thỏa thuận giữa chị và bà H, khi nào trả hết nợ thì thôi; Ngoài ra chị P không có ý kiến gì khác.

Tại văn bản gửi Tòa án người làm chứng là anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh có chứng kiến việc bà Nguyễn Thị H và chị Đỗ Thị P tiến hành thống nhất với nhau về việc vay nợ tiền; chị P đã thống nhất và tự tay viết giấy nhận nợ bà H số tiền là 600.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị tuyên buộc chị Đỗ Thị P pH trả nợ cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ là 600.000.000 đồng; Ghi nhận bà H không yêu cầu chị P pH trả lãi. Về án phí: buộc chị Đỗ Thị P pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là chị Đỗ Thị P, cư trú tại Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét tờ giấy ghi ngày 01/4/2019 do bà H xuất trình, thấy rằng: Nội dung tờ giấy có ghi nhận việc chị Đỗ Thị P có chót sổ, nhận nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và hẹn sẽ trả dần cho bà H lúc nào hết thì thôi.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P thừa nhận chữ viết và chữ ký là do chị P viết ra và ký nhận; người làm chứng là anh Nguyễn Xuân H có lời khai khẳng định: anh có chứng kiến việc bà Nguyễn Thị H và chị Đỗ Thị P tiến hành thống nhất với nhau về việc vay nợ tiền, chị P đã thống nhất và tự tay viết giấy nhận nợ bà H số tiền là 600.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở khẳng định chữ viết và chữ ký trong tờ giấy ghi ngày 01/4/2019 do bà H xuất trình là do chị P viết và ký nhận; khi viết giấy chị P có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, đây là cơ sở làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hai bên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H yêu cầu buộc chị Đỗ Thị P pH trả cho bà số tiền nợ là 600.000.000 đồng; chị P có ý kiến thừa nhận còn nợ bà H số tiền 600.000.000 đồng như bà H trình bày là đúng và nhận trách nhiệm trả nợ cho bà H, nhưng chị P chỉ đồng ý trả nợ dần cho đến khi nào hết thì thôi.

Hội đồng xét xử thấy rằng hai bên đương sự đều thừa nhận là chị P còn nợ bà H số tiền là 600.000.000 đồng; nội dung này phù hợp với nội dung ghi tại giấy ghi nhận nợ ngày 01/4/2019 do chính chị P viết và ký nhận, phù hợp với lời khai của người làm chứng. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: chị P còn nợ bà H số tiền 600.000.000 đồng.

Theo giấy nhận nợ: chị P hẹn là sẽ trả nợ dần cho đến khi nào hết thì thôi. Tuy nhiên, xét giao dịch về tài sản giữa bà H và chị P, đây là thỏa thuận vay tiền không có kỳ hạn, và bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị P không trả, nên việc bà H khởi kiện đòi nợ là có cơ sở. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc chị P pH trả nợ cho bà H số tiền là 600.000.000 đồng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chị P nợ. Xét đây là sự tự nguyện của bà H, do đó Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[5] Chị Đỗ Thị P có ý kiến đồng ý trả nợ cho bà H, nhưng xin được trả nợ dần cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị này của chị P không được phía bà H đồng ý, nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà H được chấp nhận, nên bị đơn là chị P pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không pH chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H,

Buộc chị Đỗ Thị P pH trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ là 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*). Ghi nhận bà Nguyễn Thị H không yêu cầu chị Đỗ Thị P pH trả lãi đối với số tiền nợ trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người pH thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn pH chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Chị Đỗ Thị P pH nộp 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004684 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến